LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN VỀ XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÔNG - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NGÀNH TƯ PHÁP[[1]](#footnote-1)

***TS. Trần Thị Quang Hồng***

***Viện Khoa học pháp lý***

Có thể nói, xã hội hoá các hoạt động bổ trợ tư pháp là một trong những thành tựu nổi bật của cải cách tư pháp ở Việt Nam những năm qua. Không chỉ góp phần thúc đẩy bảo vệ công lý, bảo vệ an toàn giao dịch cho người dân, thành công của xã hội hoá trong lĩnh vực tư pháp khẳng định tính đúng đắn của chủ trương xã hội hoá nói chung, góp phần khích lệ cho việc mở rộng xã hội hoá các dịch vụ công khác.

# I. DỊCH VỤ CÔNG VÀ XÃ HỘI HOÁ DỊCH VỤ CÔNG

Trước khi tìm hiểu sâu hơn về XHH các dịch vụ công ngành tư pháp, có lẽ trước hết cần thống nhất quan niệm về dịch vụ công.

Dịch vụ công, trong bài này, được hiểu là dịch vụ mà chủ thể cung ứng nhà nước, với phạm vi là các hoạt động có tính chất chính trị mà nhà nước tiến hành nhằm thiết lập trật tự xă hội theo pháp luật và những hoạt động cung ứng cho xă hội những hàng hóa và dịch vụ phục vụ các nhu cầu chung, thiết yếu của người dân.[[2]](#footnote-2) Với cách hiểu này, phạm vi dịch vụ công có thể được chia thành hai nhóm cơ bản: (i) các hoạt động nhằm thiết lập trật tự xã hội. Đây là những hoạt động mang quyền lực nhà nước, thể hiện chức năng cơ bản của nhà nước trong xã hội và (ii) các hoạt động cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho xã hội nhằm phục vụ đời sống kinh tế- xã hội, gia tăng phúc lợi cho người dân. Bài này đề cập đến nhóm dịch vụ công thứ hai này, còn gọi là dịch vụ sự nghiệp công.

Trong ngành tư pháp, các dịch vụ sự nghiệp công chủ yếu chính là các dịch vụ bổ trợ tư pháp như công chứng, giám định, thừa phát lại, quản tài viên v.v.

Không giống như trong ngành xã hội học, đề cập đến khái niệm xã hội hoá với ý nghĩa là quá trình cá nhân trở thành con người xã hội, khái niệm XHH dịch vụ công được đặt trong lĩnh vực quản lý Nhà nước, ở đó XHH lại được nhìn nhận trong mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội. Trong xã hội có Nhà nước luôn luôn tồn tại sự phân chia chức năng giữa Nhà nước và xã hội. Ở nơi nào là giới hạn của sự điều chỉnh của Nhà nước thì ở đó là sự bắt đầu của sự tự điều chỉnh của xã hội. Giới hạn này cũng luôn luôn thay đổi ở mỗi chế độ Nhà nước và ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Sự thay đổi này dẫn đến hai quá trình trái ngược nhau là Nhà nước hoá và XHH. Nhà nước hoá thể hiện ở việc Nhà nước mở rộng phạm vi điều chỉnh hoặc phạm vi các công việc do Nhà nước đứng ra thực hiện. Trái lại, quá trình hoá xã hội diễn ra khi Nhà nước nhận thấy vấn đề nhất định khi để cho xã hội tự thực hiện sẽ hiệu quả hơn hoặc nhận thấy việc can thiệp quá sâu vào đời sống xã hội là vượt quá khả năng của Nhà nước. Khi đó, Nhà nước trao lại quyền thực hiện cho xã hội (tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp) và thu hẹp phạm vi can thiệp của Nhà nước vào đời sống xã hội.

XHH dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam có thể coi là làn sóng thứ hai của việc mở rộng phạm vi tham gia của xã hội và tương ứng với nó là sự thu hẹp phạm vi can thiệp của nhà nước, nếu tính từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới. Làn sóng thứ nhất là từ khi nhà nước mở cửa thị trường, cho phép phát triển khối kinh tế tư nhân và qua đó, thu hẹp dần phạm vi các hoạt động kinh tế. Làn sóng thứ hai bắt đầu với việc xã hội hoá các dịch vụ mà Nhà nước vẫn đảm nhiệm trong lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục, thể thao,[[3]](#footnote-3) đồng thời phạm vi xã hội hoá cũng được mở rộng ra các lĩnh vực dịch vụ công trong các lĩnh vực khác, trong đó có lĩnh vực tư pháp.

# II. DỊCH VỤ CÔNG NGÀNH TƯ PHÁP - NHÌN TỪ KINH NGHIỆM CỦA CỘNG HOÀ PHÁP

Không chỉ là quốc gia tiêu biểu của hệ thống pháp luật lục địa, hệ thống pháp luật của Pháp có ảnh hưởng đáng kể đến sự định hình của hệ thống pháp luật Việt Nam từ thời Pháp thuộc và cho đến tận ngày nay. Do Việt Nam sử dụng hệ thống pháp luật thành văn giống như của Pháp, việc nghiên cứu cách thức tổ chức, hoạt động của các dịch vụ sự nghiệp công ngành tư pháp, đặc biệt là các dịch vụ bổ trợ tư pháp của Pháp có ý nghĩa tham khảo đáng kể đối với quá trình XHH các dịch vụ bổ trợ tư pháp ở Việt Nam. Hai hoạt động quan trọng sẽ được đề cập đến ở đây, và cũng là các hoạt động sẽ được đề cập đến trong phần thông tin về Việt Nam là hoạt động công chứng và thừa phát lại.

Ở Pháp, việc cung cấp dịch vụ công chứng và thừa phát lại đều được thực hiện bởi những người hành nghề tự do nhưng được nhà nước bổ nhiệm. Sự bổ nhiệm này thể hiện sự uỷ nhiệm của nhà nước cho những cá nhân này thực hiện một số hoạt động có tính chất công quyền.

## Công chứng

Công chứng viên ở Pháp là uỷ viên công quyền do Bộ trưởng Tư pháp bổ nhiệm nhưng hành nghề tự do, thực hiện một hình thức dịch vụ công hiện đại mà Nhà nước không phải cấp kinh phí. Các công chứng viên ở Pháp hành nghề tại các văn phòng công chứng, hoạt động với tư cách cá nhân hoặc trong khuôn khổ một công ty dân sự nghề nghiệp. Tổ chức nghề nghiệp của các công chứng viên là các hội đồng công chứng tỉnh - hội đồng công chứng vùng và hội đồng công chứng tối cao. Hội đồng công chứng tối cao là cơ quan đại diện cấp quốc gia của các công chứng viên. Hội đồng công chứng tối cao xác định, chỉ đạo thực hiện chính sách nghề nghiệp và giữ vai trò đại diện nghề nghiệp, đặc biệt là trước các cơ quan công quyền và Hội nghị công chứng viên của Liên minh châu âu tập hợp các công chứng viên của 10 nước thành viên có thiết chế công chứng trong luật dân sự.

Nhà nước quản lý hoạt động công chứng thể hiện thông qua việc: Nhà nước bổ nhiệm công chứng viên, ấn định số lượng và nơi đặt trụ sở các phòng công chứng, kiểm tra quá trình hoạt động nghề nghiệp của công chứng viên với các nội dung: nghĩa vụ tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, nghĩa vụ lập các văn bản, ấn định một khoảng lệ phí bắt buộc, áp dụng các biện pháp đảm bảo trong phạm vi trách nhiệm nghề nghiệp, kiểm tra việc nộp các khoản tiền cho công chứng viên quản lý. Trong việc hành nghề, công chứng viên giữ vai trò tư vấn độc lập, có nghĩa vụ đảm bảo giữ bí mật nghề nghiệp, chịu trách nhiệm về các văn bản do mình lập ra và kể cả các ý kiến tư vấn của mình. Khách hàng được tự do lựa chọn công chứng viên và có thể yêu cầu truy cứu trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên. Ở Pháp có khoảng 7600 công chứng viên hoạt động trong 4600 văn phòng. Hàng năm đáp ứng yêu cầu công chứng của khoảng 15 triệu người với 4 triệu văn bản.

## Thừa phát lại

Pháp có khoảng 2072 văn phòng thừa phát lại với 3241 thừa phát lại (trung bình 18000 dân có một thừa phát lại), hàng năm thực hiện tống đạt 13 triệu văn bản, 5 triệu việc tư vấn. Thừa phát lại là nhân viên BTTP và là người được uỷ quyền tư pháp. Thừa phát lại thực thi nghề nghiệp của mình theo phạm vi thể thức do luật quy định và trong một phạm vi địa lý nhất định (theo địa hạt của toà sơ thẩm thẩm quyền hẹp). Thừa phát lại thực hiện những chức năng khác nhau, khi thì thực hiện nhiệm vụ cụ thể với tư cách là nhân viên BTTP, khi thì tiến hành lập văn bản xác nhận hoặc thu hồi nợ, một công việc hoàn toàn thuộc lĩnh vực tư. Ở Pháp, thừa phát lại là một nghề tự do ở độ tuổi trẻ, có trách nhiệm và có trình độ cao, vừa là một uỷ viên tư pháp có quy chế chặt chẽ. Thừa phát lại thực hiện những nhiệm vụ thuộc phạm vi độc quyền: tống đạt các văn bản tư pháp, thi hành các bản án, quyết định của toà án, đồng thời thực hiện những nhiệm vụ không thuộc phạm vi độc quyền: thu hồi nợ, lập văn bản xác nhận, soạn thảo các văn bản tư chứng thư, bán đấu giá bất động sản ở những nơi không có nhân viên bán đấu giá, tư vấn pháp lý...

Với tư cách uỷ viên công quyền, thừa phát lại chịu sự quản lý của Bộ trưởng Tư pháp. Bộ trưởng Tư pháp ra quyết định bổ nhiệm thừa phát lại. Tuy nhiên thừa phát lại là người hành nghề tự do dưới các hình thức văn phòng một người hay liên kết nhiều thừa phát lại, hoặc trong một công ty dân sự nghề nghiệp, công ty hành nghề tự do. Tổ chức nghề nghiệp thừa phát lại có cơ cấu tổ chức hình chóp, ở tỉnh có hội đồng thừa phát lại tỉnh, trong phạm vi quản hạt của toà phúc thẩm có hội đồng thừa phát lại vùng, bên cạnh chưởng ấn, bộ trưởng tư pháp có Hội đồng thừa phát lại quốc gia. Tổ chức nghề nghiệp thừa phát lại tự mình thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát đối với hoạt động thừa phát lại, ban hành quy chế, đạo đức nghề nghiệp và kiểm tra công tác kế toán của các văn phòng thừa phát lại.[[4]](#footnote-4)

# III. XHH HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÔNG NGÀNH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM - NHÌN TỪ LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG VÀ THỪA PHÁT LẠI

Ý tưởng về XHH các hoạt động bổ trợ tư pháp ở Việt Nam đã được phát triển từ quá trình XHH các dịch vụ sự nghiệp công nói chung từ cuối những năm 90, nhưng nó đã được đẩy mạnh và hiện thực hoá khi được đặt trong quá trình cải cách tư pháp.

## Công chứng

### Quá trình XHH công chứng ở Việt Nam

Chế định công chứng ở nước ta được kiện toàn và phát triển kể từ khi Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định số 45/HĐBT ngày 27/2/1991 về Công chứng nhà nước. Nghị định này, cùng với các văn bản sau này như Nghị định số 31/CP ngày 18/5/1996 về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước, Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 8/12/2000 về công chứng, chứng thực đều quy định chủ thể hoạt động này (Phòng công chứng) phải là cơ quan nhà nước, trong đó các công chứng viên là công chức, hưởng lương từ ngân sách.

Dấu mốc quan trọng đầu tiên về mặt thể chế đối với xã hội hoá công chứng chính là Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp. Nghị quyết này chỉ rõ:

*“Hoàn thiện chế định công chứng. Xác định rõ phạm vi của công chứng và chứng thực, giá trị pháp lý của văn bản công chứng. Xây dựng mô hình quản lý nhà nước về công chứng theo hướng Nhà nước chỉ tổ chức cơ quan công chứng thích hợp; có bước đi phù hợp để từng bước xã hội hóa công việc này”*

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Bộ Tư pháp đã tham mưu giúp Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật công chứng năm 2006. Một trong những tư tưởng mới, nổi bật nhất của đạo luật này chính là tư tưởng về đổi mới hình thức tổ chức công chứng theo hướng từng bước xã hội hoá nhằm phát huy những tiềm năng to lớn của xã hội vào phát triển hệ thống công chứng. Đạo luật này cũng khẳng định công chứng là dịch vụ công và quy định một cách rõ ràng và cụ thể về giá trị pháp lý của văn bản công chứng.

Trên cơ sở Luật công chứng năm 2006 và các văn bản hướng dẫn, Bộ Tư pháp cũng đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020” nhằm thực hiện việc phát triển mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng rộng khắp và phân bổ hợp lý gắn với địa bàn dân cư trên toàn quốc, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân thực hiện công chứng; thực hiện đẩy mạnh việc xã hội hóa hoạt động công chứng gắn liền việc tăng cường việc phát triển các văn phòng công chứng; chỉ đạo địa phương về việc từng bước chuyển giao các hợp đồng, giao dịch từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện đã tăng cường tính an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện Luật công chứng 2006, Luật công chứng 2014 đã được ban hành ngày 20/6/2014, trong đó tiếp tục con đường xã hội hoá đối với hoạt động công chứng.

### XHH công chứng qua các con số

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Phòng CC | VPCC | CCV | Loại việc |
| 1999 | 95 | 0 | 225 | Công chứng và chứng thực, công chứng hợp đồng chỉ chiếm 6,4%  |
| 2013 | 139 | 536 | 1327 | Khối lượng lớn việc chứng thực được thực hiện bởi UBND |
| 11/2018 | 128 | 875 | 2420 | Khối lượng lớn việc chứng thực được thực hiện bởi UBND |

Tính đến 20/11/2018, cả nước có 1.003 tổ chức hành nghề công chứng, bao gồm 128 Phòng công chứng và 875 Văn phòng công chứng. Tổng số công chứng viên là 2.420, trong đó 462 công chứng viên hành nghề tại Phòng công chứng và 1.958 công chứng viên hành nghề tại Văn phòng công chứng.

###  XHH công chứng qua tác động thực tế

Chủ trương XHH cao độ hoạt động công chứng đã mang lại những tác động mạnh mẽ đối với hoạt động công chứng nói riêng và đối với đời sống xã hội nói chung. Các Văn phòng công chứng được thành lập đã giảm tải cho các Phòng công chứng, tạo sự cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy các tổ chức hành nghề công chứng đổi mới, xây dựng được phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả.

Chủ trương XHH hoá công chứng đã góp phần đưa hoạt động công chứng ở nước ta đã được phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa và đúng theo tính chất của một dịch vụ công, đưa hoạt động công chứng phát triển theo xu hướng hội nhập với khu vực và thế giới***.*** Việc tách bạch và phân biệt rõ về bản chất, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng và nguyên tắc hoạt động của công chứng và chứng thực mà trước đó còn bị lẫn lộn đã tạo điều kiện cho việc công chứng từ chỗ bị hiểu như là một hoạt động mang tính chất thủ tục hành chính đơn thuần thì nay được coi là một nghề, một ngành chuyên môn sâu có chức năng bảo đảm sự an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, đặc biệt là các hợp đồng, giao dịch về bất động sản. Giá trị của hoạt động công chứng trong xã hội được nâng cao. Hoạt động công chứng cũng được chuyển sang chế độ dịch vụ công thay thế cho chế độ hành chính công trước đây trong lĩnh vực này.

Người dân có nhiều sự lựa chọn trong việc chứng nhận các hợp đồng, giao dịch (có thể lựa chọn công chứng tại Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng tùy thuộc vào nhu cầu). Sự hài lòng của nhân dân và tính an toàn được bảo đảm của các hợp đồng, giao dịch chính là thước đo chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng. Sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ công chứng đã góp phần thúc đẩy các giao dịch trong nền kinh tế thị trường, qua đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội nói chung.

Bên cạnh đó, một kết quả đáng ghi nhận trong xã hội hóa hoạt động công chứng có thể kể đến là việc thành lập Hội công chứng ở địa phương và Hiệp hội công chứng toàn quốc. Năm 2019 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình XHH công chứng, đó là ngày 13-14/1/2019 tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc lần thứ nhất thành lập Hiệp hội công chứng. Việc thành lập Hiệp hội công chứng khẳng định tính chất nghề nghiệp của công chứng, tạo ra một tổ chức chặt chẽ để đại diện và bảo vệ công chứng viên và phát huy vai trò của cơ chế tự quản trong việc đảm bảo sự tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của công chứng viên.[[5]](#footnote-5)

## Thừa phát lại

### Quá trình thực hiện XHH

Khác với công chứng được chuyển đổi từ hoạt động hành chính sang hoạt động nghề nghiệp, thừa phát lại là một chế định mới được hình thành ở Việt Nam. Tuy nhiên, bản thân việc xây dựng chế định thừa phát lại chính là việc chủ triển khai chủ trương XHH đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực thi hành án dân sự.

Thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, chủ trương xã hội hóa một số công việc có liên quan đến thi hành án dân sự theo Nghị quyết số 24/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội về thi hành Luật thi hành án dân sự, chế định Thừa phát lại được thực hiện thí điểm bắt đầu từ năm 2010 tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó mở rộng thêm 12 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở kết quảthực hiện thí điểm, ngày 26/11/2015, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 107/2015/QH13 về việc thực hiện chế định Thừa phát lại. Nghị quyết đã ghi nhận kết quả đạt được trong việc thực hiện thí điểm; chấm dứt việc thí điểm và cho thực hiện chính thức chế định này trong phạm vi cả nước kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Để triển khai Nghị quyết số 107/2015/QH13, hiện nay Chính phủ đang xem xét, ban hành Nghị định mới về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

### Sự phát triển của thừa phát lại ở Việt Nam: con số và tác động

Tính đến tháng 11/2018, ở Việt Nam có 31/63 địa phương được phê duyệt đề án thực hiện chế định thừa phát lại với 69 văn phòng thừa phát lại và có 524 thừa phát lại đang hành nghề.

Hiện nay, chế định Thừa phát lại đã khẳng định được vai trò của mình trên bốn phương diện hoạt động là (i) tống đạt giấy tờ; (ii) lập vi bằng; (iii) xác minh điều kiện thi hành án; và (iv) trực tiếp tổ chức thi hành án. Cụ thể,

* Hoạt động tống đạt của Thừa phát lại đã giúp giảm tải công việc, từ đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xét xử và thi hành án, vị thế của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, giúp bảo đảm quyền lợi của các bên trong quá trình tổ chức thi hành án, giảm khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự.
* Việc lập vi bằng của Thừa phát lại đã góp phần bổ sung nguồn chứng cứ, giúp các bên đương sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, giúp cơ quan tài phán xem xét, giải quyết vụ việc một khách quan, đúng pháp luật và góp phần hạn chế tranh chấp giữa các bên liên quan.
* Việc xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại đã góp phần hỗ trợ người dân, tạo điều kiện cho việc thi hành bản án, quyết định của cơ quan thi hành án hiệu quả hơn.
* Hoạt động trực tiếp tổ chức thi hành án của Thừa phát lại đã góp phần giảm tải một phần công việc có liên quan cho cơ quan thi hành án, tạo cơ chế để người dân lựa chọn tổ chức thi hành hiệu quả bản án, quyết định cho mình.

**IV. XHH CÔNG CHỨNG VÀ THỪA PHÁT LẠI- NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BÀN THÊM**

## Hoạt động công chứng: cần tạo sự cân bằng giữa tính chất công quyền và tính chất dịch vụ

Chủ trương XHH hoá dịch vụ công chứng đã mang lại sự phát triển mạnh mẽ cho hoạt động công chứng ở Việt Nam, chuyển từ công chứng với tư cách là một hoạt động hành chính thành một hoạt động dịch vụ chuyên môn được cung cấp bởi những người hành nghề trong xã hội. Tuy nhiên, một số bất cập đã phát sinh từ thực tiễn hoạt động công chứng việc thu phí công chứng và các loại phí dịch vụ hỗ trợ còn tuỳ tiện, công chứng viên cố tình làm sai lệch giấy tờ, tài liệu, công chứng viên “làm liều”, không tuân thủ đúng thủ tục, việc lưu giữ giấy tờ, hồ sơ chưa hợp lý…[[6]](#footnote-6) Một số công chứng viên còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề. Những bất cập trên gây ảnh hưởng đến hình ảnh chung của ngành công chứng và gây ra những nghi ngờ về chủ trương xã hội hoá hoạt động công chứng hoặc băn khoăn về việc liệu xã hội hoá công chứng có đi quá nhanh hay không.

Những bất cập trên cho thấy kể từ thời điểm công chứng chuyển sang hoạt động với tư cách một loại hình dịch vụ, hoạt động công chứng về cơ bản chịu sự chi phối bởi cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường là yếu tố tích cực khi tạo ra những động lực cần thiết để thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình dịch vụ nói chung và các dịch vụ công XHH nói riêng, thúc đấy việc nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ công chứng, từ đó tăng cường cơ hội tiếp cận cho người dân. Tuy nhiên, ở một mặt khác, đối với những dịch vụ mang tính chất công như công chứng, cần có những công cụ điều chỉnh cần thiết để đảm bảo tính chất uy nghiêm của hoạt động công quyền, đảm bảo niềm tin của người dân vào các dịch vụ công và phát huy vai trò của nhà nước trong việc duy trì trật tự pháp lý. Việc quản lý hoạt động công chứng không thể dựa hoàn toàn vào cơ chế thị trường mà cần có những biện pháp để:

* Đảm bảo tính chất công của hoạt động công chứng: công chứng viên, dù hành nghề tự do, là người được nhà nước bổ nhiệm. Sự bổ nhiệm này phản ánh tính chất của nghề công chứng là thực thi một nhiệm vụ công, được nhà nước uỷ nhiệm. Đây là một nhiệm vụ thiêng liêng và do vậy, có lẽ nên có những nghi thức cần thiết (chẳng hạn như tuyên thệ) để nâng cao cao ý thức của công chứng viên về vị trí xã hội của mình.
* Đảm bảo tính chuyên môn của những người hành nghề công chứng: ngoài việc đào tạo, bồi dưỡng, những kỳ thi để cấp chứng chỉ hành nghề công chứng phải được tổ chức thật sự khắt khe, đảm bảo những người vượt qua được kỳ thi này là những người giỏi về chuyên môn, có thể thực hiện thành thạo các nghiệp vụ công chứng.
* Nâng cao kỷ luật hành nghề công chứng thông qua bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp cần được sử dụng như một công cụ quan trọng để quản lý công chứng viên, bên cạnh các quy tắc pháp luật. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp không chỉ làm cho công chứng viên ý thức được sâu sắc giá trị xã hội của nghề nghiệp của mình, mà còn là cơ sở để áp dụng các biện pháp xử lý nhằm nâng cao kỷ luật hành nghề và ý thức tuân thủ pháp luật của công chứng viên. Ý thức đạo đức nghề nghiệp cũng cần được đưa vào như một nội dung quan trọng của kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề công chứng viên.
* Cần tránh sự cạnh tranh quá mức giữa các tổ chức hành nghề công chứng làm giảm tính uy nghiêm của hoạt động công chứng. Về vấn đề này, nhà nước có thể sử dụng công cụ quy hoạch, xây dựng quy hoạch công chứng trên cơ sở các điều tra, khảo sát, đánh giá chính xác nhu cầu công chứng tại các địa phương để duy trì cạnh tranh ở mức độ cần thiết nhưng không quá mức. Việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch có thể được thực hiện theo đề xuất của hiệp hội công chứng.
* Cần có hình thức hỗ trợ phí công chứng và phí dịch vụ hỗ trợ đối với những dịch vụ công chứng cơ bản dành cho những người có hoàn cảnh khó khăn để đảm bảo quyền tiếp cận dịch vụ công chứng đối với mọi người dân.

## Thừa phát lại và sự chưa nhất quán trong quan điểm về XHH một số hoạt động thi hành án dân sự

Thừa phát lại được thành lập nhằm thực hiện chủ trương XHH một số hoạt động thi hành án dân sự. Tuy nhiên, việc thực hiện cho thấy có sự chưa nhất quán trong thực hiện chủ trương này.

Một nghiên cứu gần đây do TS. Dương Thị Thanh Mai và các cộng sự thuộc Viện Khoa học pháp lý tiến hành cho thấy rằng mặc dù có các thẩm quyền quan trọng trong lĩnh vực thi hành án dân sự, pháp luật hiện hành chưa tạo cho thừa phát lại ở Việt Nam vị thế tương xứng để thực thi vai trò này. Nghiên cứu trên đã chỉ ra 5 yếu tố hạn chế hiệu quả của hoạt động thừa phát lại ở Việt Nam trên cơ sở so với các nước có mô hình thừa phát lại:

*Thứ nhất,* thừa phát lại ở Việt Nam cũng cung cấp các dịch vụ bổ trợ tư pháp có tính phổ biến như thừa phát lại ở các nước nhưng phần lớn là không độc quyền:

Các dịch vụ chủ yếu hiện nay do thừa phát lại cung cấp là tống đạt văn bản tư pháp, xác minh điều kiện thi hành án, tổ chức thi hành án dân sự và lập vi bằng trong đó loại trừ lập vi bằng, 03 loại công việc còn lại không phải là việc thuộc độc quyền của nghề thừa phát lại. Đây là điểm khác biệt vì ở nhiều nước có thừa phát lại hành nghề tự do, độc lập thì hai việc là tống đạt văn bản tư pháp và thi hành án dân sự thuộc loại việc truyền thống và độc quyền chỉ do thừa phát lại thực hiện. Ở các nước đó, nói đến thừa phát lại là phải nói đến việc thi hành án và tống đạt văn bản tư pháp; hay có thể nói, chính hai công việc này là nguồn sống, là lý do tồn tại đặc trưng của thừa phát lại so với các nghề nghiệp khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp. Trong khi đó, ở Việt Nam hiện nay, hai hoạt động này lại đang là các việc được thực hiện trên cơ sở thoả thuận giữa thừa phát lại với cá nhân, tổ chức, cơ quan có yêu cầu, chẳng hạn như *tống đạt:* theo quy định hiện hành về tổ chức, hoạt động của thừa phát lại, việc tống đạt văn bản tư pháp được thực hiện trên cơ sở thoả thuận giữa thừa phát lại với Toà án, Cơ quan thi hành án trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi có trụ sở Văn phòng thừa phát lại; các loại giấy tờ, văn bản được giao cho thừa phát lại tống đạt cũng chỉ trong phạm vi hạn chế [[7]](#footnote-7). Thực tiễn cho thấy, mặc dù trong thời gian thí điểm, đã có văn bản chỉ đạo của Toà án nhân dân tối cao, Tổng cục THADS về việc chuyển giao giấy tờ, văn bản cho thừa phát lại tống đạt, có văn bản thoả thuận về phân định địa hạt tống đạt cho các Văn phòng thừa phát lại và có kinh phí riêng cho việc thanh toán chi phí tống đạt đã được phân bổ đến các toà án, cơ quan THADS cấp tỉnh và huyện, nhưng vẫn còn một số cơ quan toà án, thi hành án không ký thoả thuận chuyển giao hoặc chỉ chuyển giao nhỏ giọt với số lượng rất ít các văn bản, giấy tờ cho các Văn phòng thừa phát lại tống đạt. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến tính ổn định về công việc, thu nhập và nhân lực của các Văn phòng thừa phát lại, mặt khác, những tác động tích cực được mong đợi từ việc thừa phát lại tống đạt giấy tờ tố tụng sẽ hỗ trợ, giảm tải công việc cho các cơ quan toà án, thi hành án rất khó đạt được thực chất.

 *Thứ hai,* các hoạt động của thừa phát lại cònmang tính cạnh tranh cao, không cân sức giữa thừa phát lại với các chức danh, cơ quan nhà nước thực hiện cùng loại việc mà vị thế yếu hơn lại thuộc về thừa phát lại, thể hiện rõ nhất làhoạt động *xác minh điều kiện thi hành án và tổ chức thi hành án.*

 Mặc dù đây là hai loại việc được giao cho thừa phát lại nhằm thực hiện mục tiêu chính mà Nghị quyết 49 đã đặt ra là xã hội hoá một số hoạt động thi hành án nhưng trên thực tế lại chỉ chiểm tỷ trọng thấp về số lượng và doanh thu so với các dịch vụ còn lại, và điều đáng quan ngại là tỷ trọng này có xu hướng giảm từ sau khi kết thúc thí điểm.

*Đối với xác minh điều kiện thi hành án,* theo Luật thi hành án dân sự năm 2008, đương sự có trách nhiệm tự xác minh điều kiện thi hành án, do đó, các cá nhân, tổ chức được thi hành án đã quan tâm và lựa chọn sử dụng dịch vụ xác minh điều kiện thi hành án do thừa phát lại cung cấp (trong giai đoạn thí điểm từ 2009 đến 2014). Tuy nhiên, Điều 44 của Luật năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự đã quy định việc xác minh điều kiện thi hành án thuộc trách nhiệm của chấp hành viên cơ quan THADS[[8]](#footnote-8). Mặc dù Luật cũng không hạn chế quyền của người được thi hành án tự mình hoặc uỷ quyền cho người khác (chẳng hạn uỷ quyền cho thừa phát lại) xác minh điều kiện thi hành án và cung cấp thông tin đó cho cơ quan thi hành án. Tuy nhiên, trong thực tế, thừa phát lại gặp khó khăn, vướng mắc hơn nhiều so với chấp hành viên nhà nước khi tiếp cận các nguồn thông tin để xác minh điều kiện thi hành án do thiếu sự hợp tác của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân nắm giữ các thông tin liên quan (tổ chức tín dụng, cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký phương tiện giao thông, vận tải…). Do đó, một tỷ lệ không nhỏ người dân được hỏi cho rằng cơ quan THADS có đủ quyền hạn và điều kiện tốt hơn so với tổ chức hành nghề thừa phát lại để thực hiện công việc này trong điều kiện thực tế hiện nay ở nước ta. Vì vậy, với quy định trách nhiệm xác minh điều kiện thi hành án thuộc về chấp hành viên thì số lượng đương sự sử dụng dịch vụ này của thừa phát lại giảm đi là điều khó tránh khỏi, việc xã hội hoá hoạt động này trở nên khó khăn hơn.

*Về hoạt động trực tiếp tổ chức thi hành án:* đây là công việc khó nhất, đòi hỏi trình độ, năng lực chuyên môn và tinh thông nghiệp vụ của thừa phát lại phải tương xứng để thực hiện đúng đắn, đầy đủ những nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật giao trong suốt quá trình tổ chức thi hành án. Bên cạnh nguyên nhân hạn chế thực tế về năng lực, kinh nghiệm chuyên môn thi hành án của một số thừa phát lại thì một trong những *cản trở pháp lý lớn nhất* dẫn đến thưc trạng là số lượng bản án, quyết định do thừa phát lại thụ lý và tổ chức thi hành cho đến nay còn rất ít, chính là vì *địa vị pháp lý, nhiệm vụ và quyền hạn của* thừa phát lại *trong thi hành án bị hạn chế, không bình đẳng với chấp hành viên*, chẳng hạn như: thừa phát lại không có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, dẫn đến nhiều trường hợp đương sự tẩu tán tài sản ngay sau khi xác minh, gây khó khăn cho hoạt động thi hành án; thừa phát lại không có thẩm quyền kê biên, cưỡng chế tài sản khi các quy định pháp luật trong lĩnh vực thi hành án chưa tính đến sự tham gia của một chủ thể mới có thẩm quyền tổ chức thi hành án bên cạnh cơ quan thi hành án dân sự; trong trường hợp phải cưỡng chế thi hành án có huy động lực lượng, thừa phát lại phải thực hiện một quy trình nghiêm ngặt để có được : i/ý kiến chấp thuận của Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự cấp huyện; ii/ sự phê duyêt Đề án tổ chức cưỡng chế và Quyết định cưỡng chế THA của Cục trưởng Cục THA, sau đó thừa phát lại mới được phép tổ chức cưỡng chế THA[[9]](#footnote-9). Nhưng trên thực tế thì, trong một vài trường hợp, ngay cả khi đã có quyết định cưỡng chế THA của Cục trưởng Cục THADS, thừa phát lại vẫn không nhận được sự hợp tác, phối hợp của các lực lượng cưỡng chế có thẩm quyền, dẫn đến hệ quả là phải đình chỉ việc thi hành, chuyển vụ việc sang cho cơ quan THA, gây thiệt hại cho thừa phát lại và nhất là làm giảm sút uy tín, lòng tin của cá nhân tổ chức đối với hiệu quả THA của thừa phát lại.

*Thứ ba*, thiếu sự phân định rõ ràng, hợp lý phạm vi thẩm quyền thi hành án giữa cơ quan thi hành án nhà nước và thừa phát lại so với các nước theo mô hình chuyển đổi.

Trong những năm qua, đồng thời với việc thí điểm chế định thừa phát lại thì hệ thống thi hành án dân sự ngày càng được kiện toàn, củng cố, phát triển về tổ chức và lực lượng. Trong bối cảnh tồn tại song song, đồng thời hai thiết chế cùng có chức năng tổ chức thi hành án, điểm khác biệt tiếp theo của chế định thừa phát lại ở nước ta hiện nay là không có sự phân định phạm vi, thẩm quyền theo việc thi hành án giữa các thiết chế này như ở các nước theo mô hình chuyển đổi (Ví dụ ở Bulgaria, THA nhà nước có thẩm quyền thi hành các bản án, quyết định liên quan đến thu hồi tài sản cho nhà nước, phần dân sự trong các bản án hình sự, đặc biệt là án tham nhũng… còn thừa phát lại có thẩm quyền thi hành tất cả các bản án, quyết định theo yêu cầu của đương sự là cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước, doanh nghiệp ….). Việc không phân định rạch ròi phạm vi “sân chơi” của thi hành án nhà nước và thừa phát lại cùng với việc thiếu bình đẳng về địa vị pháp lý, về các nhiệm vụ và quyền hạn trong thi hành của mỗi thiết chế dẫn đến những khó khăn, thách thức lớn về hiệu quả dịch vụ thi hành án do thừa phát lại cung cấp.

*Thứ tư,* tổ chức và hoạt động thừa phát lại ở nước ta chưa được điều chỉnh bằng luật

Cho đến nay, mặc dù hết thời gian thí điểm đã lâu nhưng văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất quy định trực tiếp về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại mới chỉ là nghị định. Điều này tạo nên “độ vênh” và những khoảng trống pháp lý làm cản trở việc thực hiện hiệu quả chế định thừa phát lại bởi vì, các hoạt động có tính tố tụng, bổ trợ tư pháp của thừa phát lại đều phải tuân thủ quy định của các luật liên quan (luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, luật thi hành án…). Quy định của Hiến pháp năm 2013 về việc các hạn chế quyền con người, quyền cơ bản của công dân phải được quy định bằng luật trong những trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (Điều 14 Hiến pháp năm 2013) đòi hỏi phải luật hoá hoạt động của thừa phát lại để đảm bảo việc thực thi các thẩm quyền của thừa phát lại trong quá trình cung cấp các dịch vụ không vi phạm nguyên tắc hiến định này.

Thực tiễn hoạt động thừa phát lại thời gian qua cho thấy, thừa phát lại gặp rất nhiều khó khăn khi thực hiện chức năng của mình do thể chế chưa hoàn thiện. Ví dụ: khi thừa phát lại tiến hành phong tỏa tài khoản, khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án tại ngân hàng thì bị ngân hàng từ chối với lý do văn phòng thừa phát lại không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và luật chuyên ngành không quy định thẩm quyền của thừa phát lại. Điều này cũng xảy ra tương tự khi thừa phát lại tiến hành xác minh tại các cơ quan khác như công an, thuế, công chứng… Có thể khẳng định rằng, khó khăn cơ bản nhất của thừa phát lại hiện nay là hoạt động mà chưa có các quy định có giá trị hiệu lực cao về nhiệm vụ, quyền hạn của thừa phát lại trong một đạo luật chuyên về thừa phát lại và trong các Luật khác có liên quan.

*Thứ 5,* chưa có hội/hiệp hội nghề nghiệp đại diện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người hành nghề thừa phát lại đồng thời để quản lý, giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của thừa phát lại.

Cũng giống như các hoạt động nghề nghiệp tự do khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp (luật sư, công chứng…), thừa phát lại các nước đều chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ và được đại diện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp từ phía các Hội/ Hiệp hội nghề thừa phát lại được tổ chức ở các cấp (địa phương, toàn quốc, thậm chí quốc tế). Do mới trải qua thí điểm ở quy mô chưa lớn nên cho đến nay, ở nước ta, tổ chức xã hội- nghề nghiệp của thừa phát lại vẫn chưa được thành lập. Mặc dù các thừa phát lại có nhu cầu lớn trong việc liên kết, chia sẻ, tham khảo kinh nghiệm hành nghề, cách thức giải quyết các vướng mắc về pháp lý và thực tiễn hoạt động của các Văn phòng thừa phát lại…nhưng những hoạt động phối hợp này vẫn chỉ mang tính tự phát, đơn lẻ giữa một vài Văn phòng trong phạm vi một vài tỉnh, thành phố…[[10]](#footnote-10)

**V. BÀI HỌC TỪ XÃ HỘI HOÁ CÔNG CHỨNG VÀ THỪA PHÁT LẠI**

Sự thành công cũng như những hạn chế của hoạt động công chứng và thừa phát lại ở Việt Nam cung cấp nhiều hàm ý và bài học cho quá trình XHH các dịch vụ công ở Việt Nam. Có thể rút ra những hàm ý và bài học chính như sau:

- Sự ủng hộ và cam kết về mặt chính trị của Đảng và Nhà nước là nhân tố quan trọng XHH các dịch vụ công nói chung và trong lĩnh vực tư pháp nói riêng chỉ

- Cả hai hoạt động công chứng và thừa phát lại đều là những hoạt động có tính chất công và người thực hiện nó, dù là “người nhà nước” hay người hành nghề tự do thì ở góc độ nhất định đều là những người được nhà nước uỷ nhiệm. Việc thực hiện XHH đối với những hoạt động này, do đó, khẳng định tiềm năng XHH các dịch vụ công nói chung trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam.

- XHH các dịch vụ công có thể được xem như một giải pháp để phát huy các nguồn lực xã hội vào cung cấp các dịch vụ công, giúp phát triển và nâng cao chất lượng và hiệu quả cung ứng, mở rộng cơ hội tiếp cận của người dân.

- Sự khác biệt về trình độ XHH giữa hai hoạt động công chứng và thừa phát lại cho thấy quá trình XHH sẽ phải trải qua rất nhiều những khác biệt về mặt nhận thức và có thể có những thời điểm, việc XHH có thể sẽ bị chững lại nếu như những vướng mắc về nhận thức chưa được vượt qua.

- Những bất cập trong quá trình triển khai XHH không thể hiện sự sai lầm của XHH, nhưng nó thể hiện sự chưa chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho XHH, bao gồm cả những sự chuẩn bị về nhận thức và thể chế cần thiết cho việc XHH.

- Một trong những yếu tố quan trọng để có thể thành công trong XHH các hoạt động dịch vụ công là kết hợp một cách hiệu quả những nhân tố tích cực của cơ chế thị trường với các chính sách quản lý, điều tiết của nhà nước ở mức độ phù hợp. Chính sách điều tiết của nhà nước, ngoài mục tiêu duy trì trật tự kinh doanh như những hoạt động kinh doanh thông thường, còn có mục tiêu đảm bảo tính chất của dịch vụ công, đảm bảo tính nghiêm minh của hoạt động công quyền và cân nhắc khả năng tiếp cận của người dân.

- Nhấn mạnh vai trò của quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với những người hành nghề dịch vụ công là yêu cầu thiết yếu khi XHH các dịch vụ công.

1. Bài viết này chỉ thể hiện quan điểm cá nhân của tác giả. [↑](#footnote-ref-1)
2. Xem Lê Chi Mai, Dịch vụ công, Tạp chí Bảo hiểm số tháng 8/2008, nguồn tại https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2009/05/24/dịch-vụ-cng/. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trong giai đoạn này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 21/8/1997 về phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế và văn hoá; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao. Nghị quyết này là sự thể chế hoá các nghị quyết của Ban chấp hành TW Đảng khoá VII, VIII và đồng thời được củng cố bởi các Nghị quyết của Đảng sau đó, cụ thể:

- Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư (khoá VII) với chủ trương “đa dạng hoá các hình thức tổ chức chăm sóc sức khoẻ (nhà nước, tập thể, nhân dân) trong đó y tế nhà nước là chủ đạo” và được chính thức đưa vào trong văn kiện Đại hội Đảng VIII “Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội”.

- Nghị quyết Đại hội Đảng IX với khẳng định: “Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hoá, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội”.

- Nghị quyết Đại hội Đảng X với nội dung cụ thể hóa: “Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo” và “Xúc tiến xã hội hóa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin với bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng vùng”.

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “Về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” đã khẳng định “Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, đặc biệt là cho những vùng nghèo, người nghèo, bảo đảm những dịch vụ cơ bản cho nhân dân. Đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, vận dụng hợp lý những mặt tích cực của cơ chế thị trường”. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tài liệu Hội thảo về các dịch vụ bổ trợ tư pháp của Pháp do Nhà pháp luật Việt Pháp tổ chức năm 1998. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tổ chức và hoạt động của Hiệp hội công chứng được điều chỉnh bởi Luật Công chứng 2014 và Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng. [↑](#footnote-ref-5)
6. Xem Anh Đức - Lương Liễu, Góc khuất đằng sau dịch vụ công chứng tư, <https://www.nguoiduatin.vn/goc-khuat-dang-sau-dich-vu-cong-chung-tu-nhieu-con-sau-dang-lam-hong-la-chan-phap-ly-a75014.html>.; Ý kiến bạn đọc: Coi trọng chất lượng hoạt động công chứng, chứng thực, http://www.nhandan.com.vn/bandoc/item/19000702-.html. [↑](#footnote-ref-6)
7. Nghị định 7821 hợp nhất **- Điều 21. Thẩm quyền, phạm vi tống đạt:** 1/ Văn phòng Thừa phát lại được quyền thỏa thuận để tống đạt văn bản của Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự các cấp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại, bao gồm: Giấy báo, giấy triệu tập, giấy mời, quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án, quyết định trong trường hợp xét xử vắng mặt đương sự của Tòa án; quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập của Cơ quan thi hành án dân sự. Trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở đề nghị của Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự, Văn phòng Thừa phát lại có thể thỏa thuận để tống đạt các loại văn bản, giấy tờ khác. [↑](#footnote-ref-7)
8. **“Luật sửa đổi, bổ sung một số diều của Luật THADS, Điều 44. Xác minh điều kiện thi hành án:** 1.Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải tiến hành xác minh ngay; 5. Người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự. [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 40 Nghị định 7821 / VBHN-BTP về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại thực hiện thí điểm tại một số tỉnh, thành phổ trực thuộc trung ương. [↑](#footnote-ref-9)
10. TS. Dương Thị Thanh Mai và nhóm cộng sự (2017), Xác định những định hướng chính sách lớn phục vụ cho việc xây dựng Luật Thừa phát lại, Đề tài Khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp. [↑](#footnote-ref-10)